

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **30** /2014/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày **16** tháng 10 năm 2014

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HOÀ BÌNH	
ĐẾN	Số: <u>2945</u> Về việc Ban hành Quy định về Hoạt động Sáng kiến Ngày: <u>20/10</u> Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định về Hoạt động Sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 12/TTr-SKHCN ngày 07 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AS*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, NNTN (BD60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Về Hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND,
ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở.
 - b) Đã được áp dụng hoặc dự kiến áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực.
2. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.
3. “Chuyên giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyên giao có thể áp dụng sáng kiến.
4. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.
5. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.
6. “Sáng kiến cấp cơ sở” là giải pháp áp dụng tại cơ sở và được cơ sở công nhận.
7. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến cấp cơ sở được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận. Ngoài ra, các giải pháp kỹ thuật đã đoạt giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh, Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam được công nhận là sáng kiến cấp tỉnh.
8. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. “Đồng tác giả sáng kiến” là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

9. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến bao gồm:

1. Giải pháp kỹ thuật: là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: Vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi.

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý: Là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp: Bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật; ...

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Điều kiện xét công nhận sáng kiến

Các đối tượng nêu ở Điều 3 được cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó:

Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp đã đăng ký sáng kiến và áp dụng trước đó;

b) Chưa bị bộc lộ công khai, chưa được biết đến và chưa có giải pháp nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

2. Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực:

Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ: nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ: nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

3. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng, trái với đạo đức xã hội hoặc có hại cho quốc phòng, an ninh;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Chương II

CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 5. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

Điều 6. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này), trừ trường hợp cơ sở nơi tác giả nộp đơn yêu cầu

công nhận sáng kiến sử dụng mẫu đơn khác. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến;
b) Tác giả sáng kiến, hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;

c) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

d) Tên sáng kiến; lĩnh vực áp dụng; mô tả bản chất của sáng kiến, trong đó chỉ rõ những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

- Tên sáng kiến: Phải thể hiện bản chất của giải pháp trong đơn;
- Lĩnh vực áp dụng: Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết;
- Mô tả sáng kiến:

+ Về nội dung của sáng kiến: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp đã biết, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết;

+ Về khả năng áp dụng của sáng kiến: Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào;

- Các thông tin cần được bảo mật (nếu có);

đ) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;

e) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);

g) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp trong đơn theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng giải pháp lần đầu, kể cả áp dụng thử tại cơ sở theo các nội dung sau:

- So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

- Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

2. Tác giả sáng kiến chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh lập thành 20 bản sao gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan trường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh)

trước ngày 15/2 hàng năm đối với yêu cầu công nhận sáng kiến của ngành giáo dục và đào tạo, trước ngày 15/8 hàng năm đối với yêu cầu công nhận sáng kiến của các ngành khác.

Điều 7. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện đơn và có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

a) Cơ sở tiếp nhận đơn có thể ghi nhận vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (nếu có) và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này), trong đó ghi rõ thời gian trả lời kết quả công nhận sáng kiến.

b) Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

Điều 8. Xét công nhận sáng kiến và hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

1. Trước khi quyết định công nhận sáng kiến, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến), tự quyết định việc tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến.

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 7 hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận. Cơ sở xét công nhận sáng kiến đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định này và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 và thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

2. Cơ sở xét công nhận sáng kiến cấp Giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này) cho chủ đơn có sáng kiến được công nhận và tự quyết định việc công bố công khai giải pháp đã

được công nhận là sáng kiến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng sáng kiến có thể tiếp cận được các thông tin liên quan đến sáng kiến. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có các thông tin sau đây:

- a) Tên cơ sở công nhận sáng kiến;
- b) Tên sáng kiến được công nhận;
- c) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến;
- d) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;
- đ) Tóm tắt nội dung sáng kiến; lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do việc áp dụng sáng kiến;
- e) Những thông tin thích hợp khác do cơ sở công nhận sáng kiến quyết định.

3. Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho tác giả/các đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến). Giấy chứng nhận sáng kiến có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến được một cơ sở công nhận theo Điều lệ Sáng kiến và có giá trị làm căn cứ, tiêu chuẩn đề nghị các hình thức khen thưởng ở cấp tương ứng (được bảo lưu trong 02 năm đối với sáng kiến cấp cơ sở và trong vòng 04 năm đối với sáng kiến cấp tỉnh) theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

4. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

- a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến;
- b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

5. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

6. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình hoặc cơ quan, tổ chức của Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

c) Việc xét chấp thuận công nhận sáng kiến căn cứ vào Hồ sơ của cơ sở xét công nhận sáng kiến, Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

- Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;
- Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

- Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định này;

- Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

d) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo các quy định của Điều lệ Sáng kiến, của Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến và của Quy định này để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

7. Định kỳ hàng năm hoặc 6 tháng/lần hoặc khi có yêu cầu, các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến các sáng kiến cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến).

Điều 9. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh: Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, có từ 13 đến 15 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng do 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh đảm nhiệm; 03 Phó Chủ tịch Hội đồng trong đó 01 Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng do Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đảm nhiệm, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng do Lãnh đạo Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) đảm nhiệm, 01 Phó Chủ tịch do Lãnh đạo Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh đảm nhiệm; Ủy viên thư ký Hội đồng và các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo hoặc chuyên viên các ngành hữu quan và ngành quản lý sáng kiến được xét duyệt đảm nhiệm.

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh ủy quyền cho cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến chuyên ngành, có từ 7 đến 11 thành viên, gồm các chuyên gia, công nhân kỹ thuật cao, nhà khoa học, nhà quản lý... từ các ngành, lĩnh vực mà sáng kiến được xét duyệt để giúp việc cho Hội đồng.

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh chỉ tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã được Hội đồng cấp cơ sở công nhận và gửi đơn yêu cầu công nhận.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định thành lập có từ 7 đến 11 thành viên, gồm có: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên và Ủy viên thư ký là các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện (Phòng Kinh tế thành phố Hòa Bình) hoặc bộ phận theo dõi công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

3. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

4. Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

5. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến đó không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

6. Hội đồng sáng kiến được sử dụng con dấu của cơ quan thường trực để quan hệ công tác hoặc để ban hành quyết định công nhận khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

7. Thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 10. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 11 của Quy định này;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến có quyền áp dụng sáng kiến và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 9 của Điều này, nhưng không có quyền

ngăn cấm người khác thực hiện việc áp dụng và chuyển giao sáng kiến ngoài phạm vi cơ sở.

Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến được quy định cụ thể tại Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến.

4. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

5. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Trước khi kết thúc 4 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ đầu tư tạo ra sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo thỏa thuận giữa các bên, hoặc theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

Các thỏa thuận nếu có được hiểu là giữa các bên có thỏa thuận về việc có hay không trả thù lao, cách thức trả thù lao, mức thù lao, thời gian, thời hạn trả thù lao, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (thỏa thuận riêng bằng văn bản về việc trả thù lao, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...);

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại điểm a và điểm b của khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại điểm a khoản này.

2. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là tổ chức kinh tế hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo một trong các quy định sau đây:

a) Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm, trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến thì trả với mức tối thiểu 5 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;

b) Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn

01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu 15% giá chuyển giao.

3. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không phải là tổ chức kinh tế và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện như trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Nghĩa vụ trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến, với mức tối thiểu 20% mức thù lao cho tác giả sáng kiến nếu giữa những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận khác.

5. Mức thù lao quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả, thù lao quy định tại khoản 4 Điều này được trả chung cho tất cả những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và những người này tự thỏa thuận việc phân chia.

Điều 12. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 13. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến;

b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu;

c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật;

d) Trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 11 của Quy định này, trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến;

b) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp đối tượng là sáng kiến đã được công nhận, sau đó được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập, các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với đối tượng đó, thay thế các quy định về sáng kiến.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 15. Phổ biến sáng kiến

1. Các Sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 16. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các Sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các doanh nghiệp, trường học tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tuần lễ sáng kiến cấp tỉnh, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Các cơ sở công nhận sáng kiến, các Sở, ban ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Trách nhiệm tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến:

a) Hàng năm các cơ sở xét công nhận sáng kiến tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến tại cơ sở mình và gửi kết quả báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đồng chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trong toàn tỉnh;

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Chi phí cho hoạt động sáng kiến

1. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị;

b) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm 100% kinh phí hoạt động thường xuyên chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

c) Các đơn vị sự nghiệp được Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và các đơn vị, cơ quan khác của Nhà nước (không phải đơn vị sự nghiệp) chi trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học; kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở, ban, ngành đoàn thể, các cơ quan, đơn vị trong dự toán khoản chi hàng năm của đơn vị. Định mức chi được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

4. Kinh phí thực hiện các hoạt động nêu tại khoản 1, Điều 16 được trích từ nguồn ngân sách chi quản lý nhà nước hàng năm của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức và các nguồn tài trợ khác.

Các cơ quan nêu tại khoản 1, Điều 16 của Quy định này có trách nhiệm lập kế hoạch và dự trù kinh phí hàng năm cho hoạt động sáng kiến.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Điều lệ Sáng kiến tại địa phương;

b) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến trên địa bàn;

c) Là cơ quan thường trực của hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, giúp Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xây dựng tiêu chí xét, công nhận và thành lập các hội đồng chuyên ngành xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo khoản 1 Điều 9 của Quy định này;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Quy định này;

đ) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Sở, Ban, ngành, các hội nghề nghiệp, các huyện, thành phố tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Quy định này;

e) Xét, công nhận sáng kiến hoặc hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 8 Quy định này;

g) Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

h) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

i) Kiểm tra việc thực hiện Quy định này và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ).

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn chi tiết về tài chính cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp cùng hướng dẫn đôn đốc việc thực hiện quy định này.

Điều 19. Các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Văn Quang

PHỤ LỤC I
MẪU ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2014/QĐ-UBND ngày 16/10/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
Kính gửi:

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến:

.....
 - Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến):

.....
 - Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

.....
 - Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn)

.....
 - Mô tả bản chất của sáng kiến:

.....
 - Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

.....
 - Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

.....
 - Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

.....
 - Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

.....
 Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II
MẪU ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2014/QĐ-UBND ngày 16 /10 /2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

.....¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
Số
.....¹

Đã nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do²:

.....
Nộp ngày để yêu cầu công nhận sáng kiến³:

Tài liệu kèm theo gồm:

.....
.....¹ sẽ xem xét Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và thông báo cho người nộp đơn chậm nhất vào ngày

....., ngày ... tháng... năm

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ sở
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Tên cơ sở, cấp công nhân sáng kiến

² Họ tên, chức vụ (nếu có), nơi công tác hoặc nơi thường trú của người nộp đơn

³ Tên sáng kiến được công nhận

PHỤ LỤC III

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2014/QĐ-UBND ngày 16 / 10 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

.....⁴ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN

.....⁵

Chứng nhận

(Các) Ông/Bà:

1, Ông/Bà,

(chức danh (nếu có)), (nơi làm việc/cư trú)

2, Ông/Bà,

(chức danh (nếu có)), (nơi làm việc/cư trú)

là tác giả (đồng tác giả) của sáng kiến⁶:

do chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là⁷:

Được công nhận là tác giả sáng kiến cấp năm ... theo Quyết định số.....

ngày ... tháng ... năm ... của.....

Vào sổ sáng kiến

Số:

....., ngày ... tháng... năm

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ sở

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

⁴ Tên cơ sở, cấp công nhân sáng kiến

⁵ Chức danh của Thủ trưởng cơ sở, cấp công nhận sáng kiến

⁶ Tên sáng kiến được công nhận

⁷ Trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến